

Số: **1305** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018 ;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Tịnh tại Tờ trình số 497/TTr-UBND ngày 02/11/2021 và Công văn số 2103/UBND-KT ngày 01/11/2021; đề xuất

của Hội đồng thẩm định các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Báo cáo số 861/BCTĐ-HĐTĐ ngày 20/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới quản lý hành chính của huyện Sơn Tịnh với tổng diện tích tự nhiên khoảng 243,86 km², có 11 đơn vị hành chính trực thuộc (gồm các xã: Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn, Tịnh Hà, Tịnh Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Bình, Tịnh Thọ, Tịnh Phong). Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Quảng Ngãi;
- Phía Tây giáp huyện Trà Bồng và huyện Sơn Hà;
- Phía Nam giáp huyện Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi;
- Phía Bắc giáp huyện Bình Sơn.

3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện phải đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Định hướng quy hoạch phát triển mạng lưới các đô thị, khu - cụm công nghiệp, khu du lịch - dịch vụ, khu dân cư phù hợp với sự phân bố các vùng kinh tế, phù hợp với khả năng phát triển; đảm bảo kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đồng thời gắn liền với bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa.

- Tập trung đầu tư phát triển các đô thị, khu - cụm công nghiệp, khu du lịch - dịch vụ nhằm tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trong toàn huyện.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn toàn huyện, tập trung chủ yếu các vấn đề:

+ Làm công cụ điều phối, kiểm soát quá trình phát triển đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện.

+ Làm cơ sở cho công tác lập, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, xây dựng kế hoạch, triển khai đầu tư xây dựng trong khu vực đô thị, nông thôn và khu chức năng khác theo quy hoạch.

+ Góp phần hoàn thiện Tiêu chí số 1 (Quy hoạch) theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở để huyện Sơn Tịnh đạt huyện nông thôn mới.

4. Các dự báo phát triển

a) Dự báo phát triển dân số

Dân số toàn huyện Sơn Tịnh đến 31/12/2020 có 96.020 người. Dự báo quy mô dân số toàn huyện đến năm 2030 khoảng 106.000 người, tốc độ tăng dân số trung bình 1,17%/năm; đến năm 2040 khoảng 116.000 người, tốc độ tăng dân số trung bình 0,91%/ năm.

b) Dự báo lao động

- Đến năm 2030: Số người trong độ tuổi lao động toàn huyện dự báo khoảng 66.250 lao động, trong đó lao động phi nông nghiệp là 43.248 người (chiếm 65,28% tổng lao động toàn huyện).

- Đến năm 2040: Số người trong độ tuổi lao động toàn huyện dự báo khoảng 73.660 lao động, trong đó lao động phi nông nghiệp khoảng 54.220 người (chiếm 73,61% tổng lao động toàn huyện).

c) Dự báo đô thị hóa và dân số đô thị

- Đến năm 2030: Dân số đô thị trên địa bàn toàn huyện dự báo khoảng 42.000 người. Trong đó, đô thị Trung tâm huyện Sơn Tịnh khoảng 23.000 người, đô thị mới Tịnh Phong khoảng 19.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 39,62%.

- Đến năm 2040: Dân số đô thị trên địa bàn toàn huyện dự báo khoảng 64.000 người. Trong đó, đô thị Trung tâm huyện Sơn Tịnh khoảng 31.000 người, đô thị mới Tịnh Phong khoảng 25.000 người, đô thị Tịnh Bắc khoảng 8.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa huyện Sơn Tịnh đạt khoảng 55,17%.

d) Dự báo đất xây dựng đô thị

- Năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị toàn huyện dự báo khoảng 570ha, chỉ tiêu trung bình khoảng 120-140m²/người. Trong đó:

+ Đô thị trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh: 320ha, chỉ tiêu trung bình khoảng 140 m²/người.

+ Đô thị Tịnh Phong: 250 ha, chỉ tiêu trung bình khoảng 130 m²/người.

- Năm 2040: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị toàn huyện dự báo khoảng 870ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 120-140 m²/người. Trong đó:

+ Đô thị trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh: 430ha, chỉ tiêu trung bình khoảng 140 m²/người.

+ Đô thị Tịnh Phong: 320ha, chỉ tiêu trung bình khoảng 128 m²/người (không bao gồm diện tích các Khu công nghiệp VSIP và Khu công nghiệp Tịnh Phong).

+ Đô thị Tịnh Bắc: 120ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 150 m²/người.

5. Tính chất vùng huyện Sơn Tịnh

- Là vùng phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Là vùng hậu cần cung cấp lương thực, nông sản cho khu vực công nghiệp hóa phía Đông Bắc của tỉnh.

- Là vùng có vị trí quan trọng trong việc đảm bảo an ninh quốc phòng.

6. Phân vùng chức năng và định hướng phát triển không gian vùng

a) Mô hình phát triển vùng huyện

- Mô hình phát triển kinh tế chính của vùng huyện Sơn Tịnh là vùng phát triển kinh tế tổng hợp: công nghiệp - xây dựng, thương mại dịch vụ - du lịch và nông - lâm - thủy sản. Phát triển kinh tế gắn với các tiềm năng chính trong vùng, đảm bảo giữ vững quốc phòng - an ninh.

- Hành lang phát triển kinh tế chủ đạo của huyện hình thành theo các tuyến giao thông huyết mạch: Trục Quốc lộ 1; trục Quốc lộ 24B; trục cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; trục đường tỉnh 622C.

- Các tiểu vùng phát triển kinh tế của huyện bao gồm:

+ Tiểu vùng kinh tế lâm nghiệp: Thuộc ranh giới hành chính các xã: Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Hiệp. Đây là vùng phát triển nguyên liệu gỗ chất lượng nhằm cung cấp sản phẩm đầu vào cho các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp, trang trại, gia trại quy mô vừa. Kết hợp mô hình trang trại nông - lâm nghiệp và tận dụng ưu thế về cảnh quan núi, rừng, hồ đập để phát triển du lịch sinh thái (đập Cống Giang, hồ nước nóng xã Tịnh Giang, các hồ chứa nước có cảnh quan đẹp như hồ Hồ Tre, hồ Hồ Môn, hồ Cây Bứa...).

+ Tiểu vùng nông nghiệp: Thuộc ranh giới hành chính các xã: Tịnh Bắc, Tịnh Minh, Tịnh Trà, Tịnh Bình và phần phía Tây xã Tịnh Sơn. Đây là tiểu vùng phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, bền vững, tạo nguồn nguyên liệu phát triển công nghiệp; hình thành vùng chuyên canh lúa tại Tịnh Trà, Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc; hình thành vùng phát triển trang trại chăn nuôi quy mô lớn; phát triển Cụm công nghiệp Tịnh Bắc, Cụm công nghiệp Tịnh Bình (Bình Thọ), các cơ sở tiểu thủ công nghiệp.

+ Tiểu vùng kinh tế đô thị, công nghiệp và thương mại dịch vụ: Thuộc ranh giới hành chính các xã: Tịnh Hà, Tịnh Thọ, Tịnh Phong, phần phía Đông xã Tịnh Sơn. Đây là tiểu vùng phát triển Khu công nghiệp - Đô thị - dịch vụ VSIP, Khu công nghiệp Tịnh Phong. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đạt chuẩn đô thị loại V. Tập trung đầu tư phát triển đô thị Tịnh Phong đạt đô thị loại V trực thuộc huyện. Phát triển các loại hình dịch vụ, phát triển thương mại, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí dọc theo tuyến đường ven bờ Bắc sông Trà Khúc. Hình thành các vùng nông nghiệp chuyên canh có giá trị kinh tế.

b) Phân bố các khu - cụm công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ

b1) Phân bố khu - cụm công nghiệp:

- Các Khu công nghiệp Tịnh Phong, Khu công nghiệp VSIP: Quy hoạch phát triển theo định hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

- Cụm công nghiệp Tịnh Bắc: Quy mô quy hoạch 30ha, giai đoạn 2020 - 2025 thu hút đầu tư lấp đầy 100%.

- Cụm công nghiệp Bình Thọ: Quy mô quy hoạch 40ha, định hướng

quy hoạch mở rộng thêm khoảng 30ha, diện tích sau khi điều chỉnh mở rộng là 70ha.

- Giữ lại các điểm tiêu thụ công nghiệp tại các xã trong huyện.

b2) Phân bố các cụm, điểm du lịch, thương mại dịch vụ:

- Du lịch:

+ Sản phẩm du lịch: Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch gắn với tài nguyên du lịch địa phương: Điểm du lịch đập Công Giang (xã Tịnh Giang); điểm du lịch hồ nước nóng thôn Phước Thọ (xã Tịnh Giang); điểm du lịch di tích Núi Tròn - tượng đài chiến thắng Ba Gia (Tịnh Bắc); điểm du lịch thắng cảnh núi Đá Chồng - hồ Sơn Rái (xã Tịnh Trà); điểm du lịch cảnh quan sinh thái Vu Sơn Lộc Trường; các điểm du lịch sinh thái, vui chơi, dã ngoại cuối tuần (hồ Hồ Tre, hồ Hồ Môn, hồ Cây Bứa xã Tịnh Giang, núi Nhàn - hồ Chình xã Tịnh Sơn, Bàu Hung xã Tịnh Bắc).

+ Tuyến du lịch: Huyện Sơn Tịnh nằm trên tuyến du lịch Quảng Ngãi - Sơn Hà - Sơn Tây thông qua tuyến Quốc lộ 24B.

- Thương mại - dịch vụ: Định hướng đến 2025 ưu tiên xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại đô thị Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh. Giai đoạn 2026-2030 xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại đô thị Tịnh Phong, trung tâm các xã: Tịnh Bắc, Tịnh Bình; quy hoạch chợ nông sản tại Chợ Đồng Ké, xã Tịnh Giang; cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ xã; đầu tư hệ thống các cửa hàng xăng dầu tại các xã trên các trục đường chính.

c) Tổ chức mạng lưới đô thị

- Đến năm 2030, toàn huyện sẽ có 02 đô thị: Đô thị Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh là đô thị loại V; đô thị Tịnh Phong là đô thị loại V.

- Đến năm 2040 toàn huyện sẽ có 03 đô thị: đô thị Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh và đô thị Tịnh Phong đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV; đô thị Tịnh Bắc đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

Hệ thống đô thị trên địa bàn huyện Sơn Tịnh được tổng hợp theo bảng sau:

| TT | Tên đô thị | Tính chất, chức năng cơ sở tạo thị | Dự báo | | | | | |
|----|------------------------------------|--|-----------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|---|--------------------|
| | | | 2030 | | | 2040 | | |
| | | | Dân số đô thị (người) | Loại đô thị | Đất XD đô thị (ha) | Dân số đô thị (người) | Loại đô thị | Đất XD đô thị (ha) |
| 1 | Đô thị Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh | Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Sơn Tịnh | 23.000 | Đạt đô thị loại V | 320 | 31.000 | Đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV | 430 |

| | | | | | | | | |
|---|-------------------------|---|---------------|-------------------------|------------|---------------|--|------------|
| 2 | Đô thị Tịnh Phong | Là đô thị công nghiệp, TMDV, trung tâm kinh tế phía Đông của huyện | 19.000 | Đạt đô thị loại V | 250 | 25.000 | Đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV | 320 |
| 3 | Đô thị Tịnh Bắc | Là trung tâm kinh tế phía Tây của huyện | | | | 8.000 | Đạt đô thị loại V | 120 |
| | Toàn huyện | | 42.000 | | 570 | 64.000 | | 870 |

d) Phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Dân số nông thôn dự báo: Đến năm 2030 khoảng 64.000 người, chiếm tỷ lệ khoảng 60,38% tổng dân số; năm 2040 khoảng 52.000 người, chiếm 44,83% tổng dân số.

- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở các điểm dân cư hiện hữu, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác.

- Quy hoạch phát triển khu dân cư trung tâm xã Tịnh Bắc và Tịnh Bình trở thành thị tứ giai đoạn 2021 - 2030 có vai trò cung ứng hàng hóa, dịch vụ, vật tư cho người dân các xã xung quanh. Giai đoạn 2031 - 2040 xây dựng xã Tịnh Bắc sẽ phát triển lên đô thị loại V. Các xã còn lại dân cư nông thôn phát triển theo hình thái cụm - điểm dân cư tại trung tâm xã.

đ) Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

đ1) Hệ thống giáo dục, đào tạo

- Giai đoạn đến năm 2025: Xây dựng 33/33 trường đạt chuẩn quốc gia. Có từ 01 đến 02 trường Mầm non, 02 đến 03 trường Tiểu học, 02 đến 03 trường trung học cơ sở đạt chuẩn mức 2.

- Giai đoạn đến năm 2030: Quy hoạch 01 trường Trung học phổ thông tại đô thị Tịnh Phong. Giữ vững số trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn trước, phấn đấu có 50% trong tổng số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Giai đoạn đến năm 2040: Phấn đấu có khoảng 70 - 80% số trường đạt chuẩn quốc gia ở mức độ 2.

đ2) Hệ thống văn hóa, thể dục, thể thao

- Giai đoạn đến năm 2030: Duy trì các thiết chế văn hóa đã đạt được, phấn đấu trên 90% số thôn ở các xã có khu luyện tập thể dục thể thao.

- Giai đoạn đến năm 2040: Tiếp tục duy trì các tiêu chí đạt được về văn hóa, đạt được 100% số thôn có khu luyện tập thể dục, thể thao.

đ3) Hệ thống y tế

- Giai đoạn đến năm 2025: Xây dựng mới Bệnh viện huyện Sơn Tịnh; tiếp tục duy trì 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, duy trì 100% trạm y tế xã có bác sỹ thường trực, phân đầu đạt 8 bác sỹ/10.000 dân.

- Giai đoạn đến năm 2030: Tiếp tục duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, phân đầu đạt 10 bác sỹ/10.000 dân.

- Giai đoạn đến năm 2040: Duy trì các tiêu chí Quốc gia về y tế đã đạt được ở giai đoạn trước, phân đầu đạt 12 bác sỹ /10.000 dân.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

a1) Đường bộ

- Giao thông đối ngoại

+ Trục dọc 02: Trục Quốc lộ 1 (ký hiệu D2): Đoạn qua huyện Sơn Tịnh có tổng chiều dài khoảng 6,4km, quy mô đường cấp III đồng bằng gồm 4 làn xe cơ giới. Định hướng đến năm 2040 giữ nguyên quy mô quy hoạch.

+ Trục dọc 03: Đường bộ cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (ký hiệu D3): quy mô đường cao tốc loại A, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h. Tuyến cao tốc kết nối với huyện Sơn Tịnh thông qua nút liên thông với đường QL24B tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh.

+ Trục dọc D4 (Trục dọc Trung du): Điểm đầu xuất phát từ xã Trà Phú huyện Trà Bồng, điểm cuối thị xã Đức Phổ. Tổng chiều dài toàn tuyến 92Km, quy mô đường cấp V đồng bằng; Đoạn qua huyện Sơn Tịnh dài khoảng 4,5 Km, nền đường 7,5m, mặt đường 6,5m.

+ Trục dọc 08: Cầu và đường nối từ huyện Sơn Tịnh với huyện Tư Nghĩa (ký hiệu D8): Quy mô đường phố chính đô thị thứ yếu cấp II, bề rộng nền đường 26m, mặt đường rộng 14m, tổng chiều dài tuyến khoảng 3,9km. Định hướng quy hoạch kéo dài tuyến này ra phía Bắc đến QL24C tạo thành trục dọc xuyên suốt phía Tây trục đường sắt cao tốc.

+ Trục dọc 09: Đường nối từ huyện Bình Sơn đến huyện Tư Nghĩa (ký hiệu D9): Quy mô công trình đường phố chính đô thị với bề rộng nền đường 46m, mặt đường rộng 24m, tổng chiều dài tuyến khoảng 36,5km. Đoạn qua huyện Sơn Tịnh có chiều dài khoảng 2km thuộc khu vực phía Đông xã Tịnh Phong.

+ Trục ngang 01 - QL.24C: Dung Quất - Trà Bồng - Trà My (ký hiệu N1): Quy mô đoạn qua huyện Sơn Tịnh đạt cấp III đồng bằng, Bn=12m, Bm=11m. Định hướng đến năm 2040 quy mô 4 làn xe.

+ Trục ngang 02 - QL.24B (ký hiệu N2): Định hướng đến năm 2030 đoạn qua huyện Sơn Tịnh đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (nền đường rộng 12m, mặt đường rộng 11m). Đối với các đoạn tuyến qua Trung tâm đô thị Sơn Tịnh và đô thị Tịnh Bắc thực hiện theo quy hoạch xây dựng các đô thị được duyệt.

+ Trục đường tỉnh 01 - ĐT.622C: Quy mô đoạn qua huyện Sơn Tịnh đến năm 2030: Đạt cấp IV đồng bằng, $B_n=9m$, $B_m=8m$. Định hướng đến năm 2040 quy mô đường cấp III. Đối với đoạn đầu tuyến qua Khu công nghiệp VSIP, quy mô đường thực hiện theo quy hoạch Khu công nghiệp VSIP được duyệt.

+ Trục đường tỉnh 02 (thành phố Quảng Ngãi - Thạch Nham): Quy mô đoạn qua huyện Sơn Tịnh đến năm 2030: Đạt cấp IV đồng bằng, $B_n=9m$, $B_m=8m$, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Định hướng đến năm 2040 quy mô đường cấp III.

- Hệ thống đường huyện: Nâng cấp, nhựa hóa và xây dựng các tuyến đường huyện lên quy mô đường cấp III, IV đồng bằng; mở rộng, nâng cấp và xây mới mạng lưới tuyến đường nội bộ tại các xã theo đúng tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn. Đối với các tuyến đường huyện có hướng tuyến đi qua đô thị Sơn Tịnh, đô thị Tịnh Phong, đô thị Tịnh Bắc, quy mô đường theo quy hoạch đô thị được duyệt.

- Hệ thống giao thông nông thôn: Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn. Quy hoạch đến năm 2030 có 90 - 100% đường xã, liên xã đạt cấp kỹ thuật.

- Hệ thống đường đô thị: Tuân theo quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống giao thông công cộng: Tăng cường, nâng cấp (tần suất chuyến, trạm chờ) các tuyến xe buýt thành phố Quảng Ngãi - Dung Quất, thành phố Quảng Ngãi - Vạn Tường, thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà, thành phố Quảng Ngãi - sân bay Chu Lai (đi ngang qua huyện Sơn Tịnh).

- Giao thông tĩnh: Xây dựng các bãi đỗ xe với quy mô hợp lý tại các đô thị Sơn Tịnh, đô thị Tịnh Phong và Tịnh Bắc.

a2) Hệ thống giao thông đường thủy: Quy hoạch và đưa vào quản lý khai thác du lịch trên sông Trà Khúc đoạn từ thượng lưu đập dâng sông Trà Khúc đến đập thủy lợi Thạch Nham, với chiều dài khoảng 20 km. Cấp luồng quy hoạch là cấp IV - đường thủy nội địa.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

b1) San nền

- Nền đất xây dựng đô thị và các khu dân cư phải đảm bảo không bị ngập úng, có tính toán đến hiện tượng biến đổi khí hậu. Tôn trọng địa hình tự nhiên, tránh đào đắp lớn. Đô thị Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh chọn cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +10,30$ m. Đô thị Tịnh Phong chọn cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +7,00$ m. Đô thị Tịnh Bắc chọn cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +14,00$ m.

- Các khu vực dân cư nông thôn: Căn cứ cao độ xây dựng hiện trạng của từng khu vực để xác định cao độ nền xây dựng công trình. San nền cục bộ từng khu vực xây dựng đảm bảo tần suất lũ 10%.

b2) Thoát nước

- Khu vực đô thị chọn hệ thống thoát nước mưa riêng, nước thải riêng. Đô thị trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh: Chia làm nhiều lưu vực nhỏ; trục tiêu chính là sông Trà Khúc và trục tiêu kênh Sơn Tịnh. Đô thị Tịnh Phong: Hướng thoát nước chính đổ về sông Hầm Giang - Phú Vinh.

- Khu vực dân cư nông thôn: Chọn hệ thống thoát nước chung.

b3) Hệ thống thủy lợi

- Giai đoạn 2020 đến 2040 hoàn thiện hệ thống hồ, đập và kênh mương trên địa bàn huyện. Cải tạo, xây mới công đập, trạm bơm theo quy hoạch mới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, hiệu quả cao, đảm bảo tưới chủ động cho diện tích đất nông nghiệp với tần suất đảm bảo tưới lên 100%.

c) Cấp nước

- Nguồn nước: Sử dụng kết hợp nguồn nước mặt, ngầm và nước sông Trà Khúc, sông Giang, nước từ kênh Thạch Nham và các hồ chứa nước để cấp nước cho khu đô thị và dân cư nông thôn trên địa bàn huyện.

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 khoảng 15.742m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 21.365m³/ngày đêm.

- Đối với khu vực đô thị:

+ Đô thị trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh: Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước tập trung của thành phố Quảng Ngãi.

+ Đối với đô thị Tịnh Phong: Giai đoạn trước mắt, nguồn nước được lấy từ Nhà máy nước thành phố Quảng Ngãi. Khi trạm cấp nước sạch của Khu kinh tế Dung Quất được nâng cấp công suất thì bổ sung nguồn nước từ Nhà máy cấp nước Dung Quất.

+ Xây dựng Nhà máy nước mặt tại đô thị Tịnh Bắc; giai đoạn năm 2030 - 2040, nguồn nước lấy từ sông Trà Khúc với công suất 1.200m³/ng.đ. Phạm vi cấp nước là đô thị Tịnh Bắc và các xã lân cận.

- Đối với khu vực nông thôn:

+ Xây dựng các trạm xử lý nước nhỏ với quy mô từ 200 m³/ng.đ đến 1.000 m³/ng.đ để cấp nước cho các khu vực dân cư nông thôn.

d) Cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện sinh hoạt cho toàn huyện đến năm 2030 khoảng 24,0MW, đến năm 2040 khoảng 44,42MW.

- Nguồn điện hiện tại được lấy từ trạm 110kV Sơn Tịnh (công suất 2x40MVA), trạm 110kV VSIP (công suất 2x40MVA), trạm 110kV VSIP 2 (công suất 2x63MVA).

- Lưới điện:

+ Lưới 500kV: Tuyến Dốc Sỏi - Bình Định - Krông Buk, chiều dài 190 km. Tuyến có đi qua địa bàn huyện Sơn Tịnh, thực hiện theo dự án ngành điện.

+ Lưới 220kV, 110kV: Tiếp tục hoàn thiện các tuyến 220kV Dốc Sỏi - Sơn Hà, 220kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi, 110kV Dốc Sỏi - Tịnh Phong, 110kV Tịnh Phong - Núi Bút, 110kV Quảng Ngãi 2 - Quảng Phú.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

đ1) Thoát nước thải

- Khối lượng nước thải các đô thị toàn huyện dự báo đến năm 2030 khoảng 3.360 m³/ngày.đêm, đến năm 2040 khoảng 6.144 m³/ngày.đêm.

- Thoát nước thải sinh hoạt các đô thị: Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng cho đô thị Sơn Tịnh (công suất khoảng 3.500 m³/ngày.đêm); đô thị Tịnh Phong (công suất khoảng 2.300 m³/ngày.đêm) và đô thị Tịnh Bắc (công suất khoảng 1.000 m³/ngày.đêm).

- Thoát nước thải dân cư nông thôn: Các khu vực trung tâm xã, các cụm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng (nước mưa và nước thải tách ở cuối nguồn). Xây dựng các trạm xử lý nước thải cục bộ cho từng điểm dân cư.

đ2) Chất thải rắn

- Lượng rác thải sinh hoạt đô thị đến năm 2030: 33,6 tấn/ngày, đến năm 2040: 51,2 tấn/ngày.

- Lượng rác thải công nghiệp đến năm 2030: 21 tấn/ngày, đến 2040 khoảng 26 tấn/ngày.

- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Sơn Tịnh với diện tích giai đoạn 1 khoảng 5ha tại vị trí xã Tịnh Đông, sau 2030 định hướng mở rộng lên 40ha.

- Các bãi chôn lấp chất thải rắn (CTR): Trong giai đoạn trước mắt, khi chưa đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Sơn Tịnh thì vẫn chôn lấp tại bãi chôn lấp hiện trạng nhưng vẫn phải đảm bảo khoảng cách ly, vệ sinh môi trường.

đ3) Nghĩa trang

- Giữ lại và tôn tạo nghĩa trang liệt sỹ các xã, không mở rộng diện tích.

- Quy hoạch xây dựng nghĩa trang tập trung Gò Nghĩa, khu vực đồi 47, xã Tịnh Sơn với diện tích đến năm 2030 khoảng 49,18 ha; Nghĩa trang Động Doan, thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, diện tích có khả năng mở rộng 15 ha và Nghĩa trang đồi 48, xã Tịnh Hà, diện tích 18 ha đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường, phục vụ dân cư. Định hướng xây dựng lò hỏa táng tại nghĩa trang tập trung của huyện; khuyến khích người dân áp dụng hình thức hỏa táng và nâng dần tỷ lệ hỏa táng đến năm 2040 khoảng 15%.

- Tổng nhu cầu đất quy hoạch nghĩa trang đối với khu vực dân cư nông thôn đến năm 2030 là 25,6ha, đến năm 2040 là 25,6ha; Quy hoạch xây dựng nghĩa trang quy mô nhỏ tại các xã, phù hợp với quy hoạch xây dựng nông

thôn mới, đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường, phục vụ dân cư trong từng xã.

e) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác

Định hướng quy hoạch các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác đồng bộ với định hướng phát triển không gian vùng, đảm bảo tốc độ phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị và công nghiệp của vùng huyện theo hướng bền vững.

g) Đánh giá môi trường chiến lược

Quy hoạch dự báo các diễn biến của môi trường trong tương lai và các giải pháp bảo vệ môi trường cần phải thực hiện, gồm:

g1) Giải pháp về kỹ thuật

- Quy hoạch, xây dựng và quản lý có hiệu quả hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn.

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh tại đô thị, khu - cụm công nghiệp, các khu dân cư lớn, hướng đến đảm bảo chỉ tiêu cây xanh theo quy định.

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng vật nuôi, công nghệ tiên tiến về bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

- Sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất, chống xói mòn, rửa trôi đất, hủy hoại đất; đẩy nhanh tiến độ phủ kín đất đồi núi trọc.

g2) Các giải pháp về quản lý, giám sát môi trường

- Xây dựng các chính sách sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nâng cao chất lượng môi trường đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Kiểm soát lượng chất thải từ hoạt động công nghiệp, hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Giám sát, bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên nước, các hệ sinh thái rừng.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và giảm thiểu tác hại do thiên tai và sự cố môi trường.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư

Phát triển hệ thống đô thị, khu - cụm công nghiệp. Tập trung ưu tiên vào các dự án đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển, thuộc các lĩnh vực: hạ tầng kỹ thuật khung (giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị và khu dân cư), các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu (hành chính, văn hóa - thể thao, y tế, giáo dục đào tạo...) và bảo vệ môi trường. Lựa chọn các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đầu hợp lý, đặc biệt là các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội huyện Sơn Tịnh đã đề ra, tập trung vào các lĩnh vực chính:

- Phát triển đô thị;

- Phát triển khu - cụm công nghiệp;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp;
- Quy hoạch, xây dựng phát triển nông thôn mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, theo dõi việc triển khai thực hiện quy hoạch theo thẩm quyền.

2. UBND huyện Sơn Tịnh chịu trách nhiệm:

- Ban hành Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết và thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các dự án đang triển khai trên địa bàn huyện, để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện Sơn Tịnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 948).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh